

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt
Quy trình nội bộ giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông
điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế
cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú,
giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Sơn La**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 6/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 296/QĐ-VPCP ngày 12/6/2024 của Văn phòng Chính phủ về việc công bố 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 78/TTr-STP ngày 27/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện

tử; Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

1. Công bố 02 Danh mục 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(Có Phụ lục I ban hành kèm theo)

2. Phê duyệt 02 Quy trình nội bộ giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Sơn La.

(Có Phụ lục II ban hành kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Giám đốc các sở: Tư pháp, Y tế, Lao động, Sở Thương binh và Xã hội tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Cổng Thông tin Điện tử tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tr.

CHỦ TỊCH

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục I
Danh mục

02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh không quá 05 ngày làm việc. Nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì thời gian được tính bắt đầu từ ngày làm việc tiếp theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện	Dịch vụ công trực tuyến	(1) Lệ phí đăng ký khai sinh: - Cấp xã: Miễn phí khai sinh đúng hạn; 4.000đồng/khai sinh quá hạn. - Cấp huyện: 60.000đồng/1 lần (đăng ký khai sinh, đăng ký lại khai sinh, đăng ký khai sinh cho người	- Luật Người cao tuổi; - Luật Người khuyết tật; - Luật Hộ tịch; - Luật Bảo hiểm xã hội; - Luật Bảo hiểm y tế; - Luật Trẻ em; - Luật Cư trú; - Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của chính phủ quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân). Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (2) Lệ phí đăng ký thường trú: 10.000 đồng. Miễn lệ phí đối với các trường sau: Trẻ em theo quy định tại Luật Trẻ em; người cao tuổi theo quy định tại Luật Người cao tuổi; người khuyết tật theo	thủ tục hành chính Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất; - Thông tư số 75/2022/TT-BTC ngày 22/12/2022 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí đăng ký cư trú; - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					quy định tại Luật Người khuyết tật; Người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng; Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; công dân thường trú tại các xã biên giới; công dân thường trú tại các huyện đảo; công dân thuộc hộ nghèo	sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
					theo quy định của pháp luật; Công dân từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi mồ côi cả cha và mẹ. (3) Lệ phí cấp thẻ bảo hiểm y tế: Không	
2	Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất	- Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất đối với nhóm người có công: 18 ngày làm việc - Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng đối với nhóm đối tượng Bảo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện/tỉnh	Dịch vụ công trực tuyến	(1) Lệ phí đăng ký khai tử: - Cấp xã: Miễn lệ phí đăng ký khai tử đúng hạn; 4.000 đồng/đăng ký khai tử quá hạn. - Cấp huyện: 60.000đồng/01 lần (đăng ký	- Luật Người cao tuổi; - Luật Người khuyết tật; - Luật Hộ tịch; - Luật Bảo hiểm xã hội; - Luật Bảo hiểm y tế; - Luật Trẻ em; - Luật Cư trú; - Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng; - Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của chính phủ quy định việc thực hiện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trợ xã hội: 06 ngày làm việc; với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng là 11 ngày làm việc; - Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất đối với đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết; 09 ngày làm việc Hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì thời gian giải quyết được tính			<i>khai tử, đăng lý lại khai tử).</i> Miễn lệ phí cho người thuộc gia đình có công với cách mạng; người thuộc hộ nghèo; người khuyết tật. (2) Lệ phí Xóa đăng ký thường trú: Không. (3) Lệ phí Giải quyết mai táng, tử tuất: Không.	liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất - Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của HĐND tỉnh quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 34/2022/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại phụ lục số 01,02 ban hành kèm theo Điều 1, Nghị quyết số 135/2020/NQ-HĐND ngày 31/7/2020 của

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
		trong ngày làm việc tiếp theo.				HĐND tỉnh về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh Sơn La; - Nghị quyết số 67/2023/NQ-HĐND ngày 04/10/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định quy định mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

Phụ lục II

Quy trình nội bộ giải quyết 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; Đăng ký khai tử, xoá đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất trên địa bàn tỉnh Sơn La

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày ____/____/____ của Chủ tịch UBND tỉnh Sơn La)

1. Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ dưới 6 tuổi

Thời gian thực hiện: 03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh không quá 05 ngày làm việc. Nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì thời gian được tính bắt đầu từ ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp cần xác minh (giờ/ngày)
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp/huyện	Hồ sơ liên thông điện tử	01 giờ	01 giờ
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	03 giờ	03 giờ
B3	Lãnh đạo xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02 giờ	02 giờ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện (giờ/ngày)	Thời gian thực hiện trong trường hợp cần xác minh (giờ/ngày)
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 giờ	01 giờ
B5	Hồ sơ liên thông cấp thẻ bảo hiểm y tế	Cơ quan Bảo hiểm xã hội	Dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 ngày	02 ngày
B6	Hồ sơ liên thông đăng ký thường trú	Cơ quan Công an	Dự thảo kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 ngày	02 ngày
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 giờ	01 giờ
	Tổng thời gian thực hiện:			03 ngày	05 ngày

2. Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất

Thời gian thực hiện:

- Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất đối với nhóm người có công: 18 ngày làm việc
- Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội: 06 ngày làm việc; với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng là 11 ngày làm việc;
- Đăng ký khai tử; xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất đối với đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết; 09 ngày làm việc.
- Hồ sơ tiếp nhận sau 15 giờ thì thời gian giải quyết được tính trong ngày làm việc tiếp theo.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện đối với nhóm người có công (giờ/ngày)	Thời gian thực hiện đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội (giờ/ngày)		Thời gian thực hiện đối với đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết (giờ/ngày)
					Đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội (giờ/ngày)	Đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng (giờ/ngày)	
B1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện	Hồ sơ liên thông điện tử	01 giờ	01 giờ	01 giờ	01 giờ
B2	Thụ lý công việc	Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã	Dự thảo kết quả thủ tục hành chính	04 giờ	03 giờ	03 giờ	03 giờ

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện đối với nhóm người có công (giờ/ngày)	Thời gian thực hiện đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội (giờ/ngày)		Thời gian thực hiện đối với đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết (giờ/ngày)
					Đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội (giờ/ngày)	Đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng (giờ/ngày)	
B3	Lãnh đạo xem xét phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Ý kiến phê duyệt	02 giờ	02 giờ	02 giờ	02 giờ
B4	Bàn giao kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện	Kết quả giải quyết thủ tục hành chính	01 giờ	01 giờ	01 giờ	01 giờ
B5	Hồ sơ liên thông xóa đăng ký thường trú	Cơ quan Công an	Hồ sơ liên thông điện tử	08 giờ	08 giờ	08 giờ	08 giờ
B6	Hồ sơ liên thông giải quyết mai táng, tử tuất	Cơ quan Bảo hiểm xã hội	Hồ sơ liên thông điện tử	16 ngày	04 ngày	09 ngày	07 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện đối với nhóm người có công (giờ/ngày)	Thời gian thực hiện đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội (giờ/ngày)		Thời gian thực hiện đối với đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết (giờ/ngày)
					Đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội (giờ/ngày)	Đối với người từ đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng (giờ/ngày)	
B7	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã/huyện	Trả kết quả	01 giờ	01 giờ	01 giờ	01 giờ
Tổng thời gian thực hiện:				18 ngày	06 ngày	09 ngày	07 ngày